

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU TẠI TỈNH LAI CHÂU

HOÀNG BÌNH NHƯỠNG

Đan Quản lý Khu KTCK Ma Lò Thành

Lai Châu nằm ở phía tây bắc của Tổ quốc, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với đường biên giới dài 273 km, là tỉnh nằm giữa hai điểm du lịch nổi tiếng là Sa Pa và Điện Biên Phủ, có các quốc lộ 4D, 32, 12, nối Lai Châu với Hà Nội - Điện Biên - Lào Cai và Vân Nam (Trung Quốc). Lai Châu có Khu kinh tế cửa khẩu (KTCK) Ma Lò Thành¹ thuận lợi cho hoạt động giao thương với Trung Quốc và là nhân tố khuyến khích sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng so với cả nước thì Lai Châu vẫn là tỉnh rất khó khăn, và định hướng phát triển KTCK sẽ là điểm nhấn đối với sự phát triển bền vững của tỉnh trong thời gian tới.

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KTCK CỦA LAI CHÂU

Thuận lợi

Thứ nhất, trong những năm qua, phát triển KTCK luôn nhận được sự quan tâm của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương và tiếp tục sẽ nhận được ngày càng nhiều sự quan tâm, đầu tư của Nhà nước trong những năm tới nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh có biên giới giáp với các nước bạn.

Thứ hai, sự quyết tâm của tỉnh Lai Châu bằng Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 16.3.2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI về phát triển KTCK giai đoạn 2007-2015, đây là cơ sở pháp lý triển khai phát triển KTCK của tỉnh. Lai Châu có đường biên giới dài, giáp với tỉnh Vân Nam là thị trường rộng lớn rất thuận lợi cho việc thông thương xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ du lịch. Quan hệ

hữu nghị giữa hai tỉnh Lai Châu - Việt Nam và Vân Nam - Trung Quốc ngày càng được củng cố và phát triển, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển KTCK từng bước được quan tâm đầu tư xây dựng².

Thứ ba, thiên nhiên ban tặng cho Lai Châu nhiều tiềm năng du lịch cùng với lịch sử hình thành lâu đời, mang đậm bản sắc văn hoá của 20 dân tộc anh em. Lai Châu đã và đang có những kế hoạch để khai thác tiềm năng và đưa vào phục vụ các loại hình du lịch thích hợp. Trong những năm tới, Lai Châu phấn đấu trở thành một trong những trung tâm du lịch hấp dẫn và được ưa thích của vùng Tây Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây sẽ là yếu tố cộng hưởng tới định hướng phát triển KTCK.

Thứ tư, là tỉnh nằm cận kề với tỉnh Lào Cai, cách tuyến đường cao tốc Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội khoảng 68 km. Nằm trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai

- Hà Nội - Hải Phòng, Khu KTCK Ma Lò Thành³ có nhiều thuận lợi trong việc trao đổi hàng hoá, dịch vụ, sản xuất các mặt hàng, dịch vụ tại địa phương. Giáp với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc là một thị trường lớn, có dân số đông, được trung ương quan tâm đầu tư về cơ sở hạ tầng kết nối ra biên giới với Việt Nam, đặc biệt là tuyến đường nối cửa khẩu Kim Thủy Hà với tuyến cao tốc Côn Minh - Lào Cai là điều kiện để hàng hoá Lai Châu và một số khu vực lân cận trao đổi với Trung Quốc.

Khó khăn

Thứ nhất, Lai Châu vẫn là tỉnh nghèo, đặc biệt khó khăn của cả nước, trên 90% chi ngân sách là do trung ương trợ cấp, do đó nguồn vốn đầu tư cho khu KTCK còn hạn chế, nhiều danh mục dự án theo Nghị quyết 10/NQ-TU và Nghị quyết 96/HĐND chưa được triển khai thực hiện.

Thứ hai, KTCK tỉnh Lai Châu có

các điều kiện về vị địa lý khó khăn nhất so với các khu kinh tế khác trong cả nước, địa hình chia cắt, đồi núi dốc, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

Thứ ba, các chính sách tài chính, chính sách thu hút cán bộ, nguồn nhân lực hiện nay chưa đủ mạnh để thu hút các nhà đầu tư và cán bộ có năng lực tham gia hoạt động trong khu KTCK của tỉnh. Chính sách biên mậu của phía bạn Trung Quốc luôn có sự điều chỉnh, trong quan hệ kinh tế mậu dịch biên giới, chưa thực sự mở cửa thông thoáng.

Thứ tư, nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng KTCK hàng năm còn hạn chế, phụ thuộc 100% vào hỗ trợ của ngân sách trung ương nên một số dự án triển khai còn chậm.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KTCK

Thực trạng hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu (XNK), tạm nhập tái xuất, sản xuất công nghiệp, dịch vụ, vận chuyển hàng hóa quá cảnh và dịch vụ logistics

Kim ngạch XNK qua cửa khẩu

Giai đoạn 2005-2010 tổng kim ngạch XNK trung bình năm đạt 34,286 triệu USD (năm 2006 đạt 45,814 triệu USD; năm 2007: 35,189 triệu USD; năm 2008: 11,638 triệu USD; năm 2009 đạt 4,146 triệu USD; năm 2010: 11,504 triệu USD; năm 2011: 3,972.5 triệu USD; 10 tháng đầu năm 2012: 15,091 triệu USD, tăng 353% so với cùng kỳ năm trước).

Hoạt động XNK qua Trung Quốc trong thời gian qua kém sôi động; những năm gần đây số lượng các doanh nghiệp, hàng hóa XNK giảm nhiều so với những năm trước. Nguyên nhân là do phía Trung Quốc thay đổi về cơ

chế, chính sách quản lý, nhiều mặt hàng được quản lý bằng giấy phép hoặc hạn chế xuất khẩu, bên cạnh đó các tuyến đường nội địa ra cửa khẩu khó khăn, dài, cùng với đó là giá cả xăng dầu tăng, tác động đến chi phí vận tải nên một số doanh nghiệp chuyển hướng tìm thị trường khác; chủng loại hàng hóa XNK qua cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng - Kim Thủy Hà kém phong phú.

Hoạt động XNK qua cửa khẩu phụ lối mở: Các cặp cửa khẩu lối mở xuất phát từ nhu cầu cư dân vùng biên hai nước trao đổi hàng hóa, thăm thân và xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị. Lai Châu hiện có 5 lối mở, phần lớn là trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới với số lượng và giá trị ít nên chưa bố trí được đầy đủ các lực lượng liên ngành kiểm soát, chỉ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khi có hoạt động XNK lớn tại cửa khẩu phụ đó.

Các mặt hàng XNK

Trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu qua cửa khẩu gồm: các loại quặng (sắt, chì, sunfua kẽm, ni ken, molipden, vofram...), đá xây dựng, nhân hạt điều, hạt tiêu đen, thảo quả, các loại cá biển, bột giấy cuộn và tấm, hàng nông sản (ngô hạt, sắn khô, riềng khô, chè khô)... Hàng nhập khẩu chủ yếu là các loại máy móc, thiết bị tuyền quặng, thiết bị y tế, ô tô loại nhỏ, máy xúc, phôi thép, cây cao su, hóa chất và các mặt hàng phục vụ tiêu dùng (máy khâu, vải, bột mì, thức ăn chăn nuôi), bình năng lượng, bình nóng lạnh...

Tình hình hoạt động tạm nhập tái xuất

Hàng chuyển khẩu (hàng tạm nhập tái xuất) từ các địa phương khác xuất khẩu qua cửa khẩu của Lai Châu các năm trước đây giảm,

do các chính sách ở các cặp cửa khẩu là như nhau, mà giao thông đến cửa khẩu Lai Châu khó khăn, chi phí cao hơn nên các doanh nghiệp chọn xuất khẩu ở những cửa khẩu khác thuận tiện hơn, chi phí thấp hơn.

Từ tháng 7.2012 đến nay, hoạt động tạm nhập tái xuất hàng hóa gia tăng so với cùng kỳ các năm, tuy nhiên do cơ chế chính sách của phía bạn làm ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ giao hàng, thủ tục phức tạp, gây mất thời gian cho doanh nghiệp vận chuyển, tổn kém về chi phí bốc dỡ, lưu kho qua ngày, đêm.

Tình hình sản xuất công nghiệp

- Về công nghiệp: giá trị sản xuất ngành công nghiệp năm 2010 đạt 28,4 tỷ đồng, đóng góp 2,5% tổng giá trị sản xuất của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2005-2010 đạt 20,16%/năm. Trong đó ngành công nghiệp điện, nước có tốc độ tăng khá cao (đạt 25%/năm), ngành khai mỏ đạt 32%/năm, ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, ngành tiểu thủ công nghiệp 17-18%/năm. Giá trị VA/GO tăng dần từ 0,3 lên 0,42 thể hiện ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng hiệu quả, cho giá trị gia tăng cao hơn.

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu hiện nay là vật liệu xây dựng (cát, đá, gạch) và một số sản phẩm khai khoáng như vàng, quặng sắt, đồng, đá, một số sản phẩm truyền thống như vải, thổ cẩm... Nhìn chung, các sản phẩm còn nghèo nàn, chưa có các sản phẩm chế biến, trong khi nguồn nguyên liệu trên địa bàn là tương đối phong phú.

Các hoạt động về dịch vụ, du lịch, vận chuyển hàng hóa quá cảnh và dịch vụ logistics

Về dịch vụ, du lịch:

+ Thương mại dịch vụ tập trung chủ yếu tại Mường So, thị trấn Phong Thổ, hình thức kinh doanh là buôn bán nhỏ theo hộ (gồm các loại hình kinh doanh: bán lẻ tạp hoá, điện máy, cơ khí, xay xát, may mặc...). Hàng hoá dịch vụ là những sản phẩm phục vụ hàng ngày cho nhân dân trong xã và các địa phương lân cận.

+ Dịch vụ là ngành có lợi thế kinh doanh, vì vậy trong những năm qua đã được chú ý phát triển, tốc độ tăng trưởng khá, ngày càng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu kinh tế nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó lớn nhất là khả năng chiếm lĩnh thị trường của các hộ kinh doanh dịch vụ.

Về vận chuyển hàng hóa quá cảnh và dịch vụ logistics:

Các tuyến đường đến khu vực cửa khẩu hiện đang trong thời gian nâng cấp; chợ biên giới, chợ cửa khẩu ở dọc tuyến biên giới chưa được đầu tư, hệ thống kho ngoại quan, bến bãi giao nhận hàng hóa, thiết bị kiểm tra hàng hoá và thiết bị đóng gói tại cửa khẩu hoạt động thủ công tự phát. Các dịch vụ tại Khu KTCK Ma Lù Thàng hiện chưa đáp ứng được nhu cầu XNK của thương nhân theo đúng tiêu chuẩn quy định.

Đánh giá chung về hiệu quả hoạt động KTCK

Kết quả đạt được

Các hoạt động về phát triển KTCK đã có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh. Từng bước hoàn chỉnh quy hoạch và tập trung đầu tư, xây dựng hạ tầng khu đầu mối cửa khẩu phục vụ cho hoạt động thương mại và công tác đối ngoại.

Bước đầu đã thống nhất được công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực KTCK. Việc phát triển KTCK

đã tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư theo hướng sản xuất hàng hóa xuất khẩu cho một bộ phận cư dân biên giới và bước đầu tạo được nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Góp phần mở rộng giao lưu giữa chính quyền và nhân dân hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc về kinh tế - văn hóa - xã hội, duy trì tình đoàn kết, hữu nghị và tạo mối quan hệ hợp tác, góp phần giữ vững chủ quyền biên giới hòa bình, hữu nghị.

Hạn chế, yếu kém

Kim ngạch XNK và thuế XNK hàng năm tăng trưởng không bền vững, hiệu quả kinh tế thấp, chưa tương xứng với hiệu quả đầu tư. Hàng hóa xuất khẩu không ổn định. Chưa tạo được mặt hàng chủ lực cho xuất khẩu của địa phương, cán cân thương mại chủ yếu là nhập siêu, nguồn thu cho ngân sách còn thấp, tính ổn định không cao.

Công tác quy hoạch và đầu tư kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ. Cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ hoạt động dịch vụ thương mại chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào KTCK số lượng còn ít, quy mô đầu tư nhỏ; hiệu quả thu hút đầu tư vào khu KTCK còn thấp.

Việc quy hoạch các vùng nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu địa phương triển khai chậm; công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu tại địa bàn tỉnh chưa phát triển.

Tình hình thu hút đầu tư vào khu KTCK chưa đạt kết quả mong muốn và hiệu quả đầu tư vào khu cửa khẩu thấp. Đến nay mới chỉ có 8 tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu KTCK như: ngân hàng, bưu điện, viễn thông, sản xuất bao bì, thu mua nông sản xuất khẩu, luyện

cán thép, kinh doanh xăng dầu, nhà nghỉ, với số vốn đăng ký đầu tư gần 50 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho trên 300 lao động. Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực KTCK cũng rất hạn chế.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực còn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, chất lượng công tác đào tạo chưa cao, số lao động qua đào tạo công nhân kỹ thuật để tạo nguồn cho các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa nhiều, số cán bộ Ban quản lý khu kinh tế và các lực lượng biết tiếng Trung để phục vụ cho hoạt động đối ngoại còn ít, nhất là số cán bộ biết dịch thuật và giao tiếp trong hội đàm.

Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân: về khách quan, do khu vực KTCK có nhiều khó khăn, xa các trung tâm hàng hoá lớn của cả nước và khu vực; thị trường tiêu thụ hàng hoá giáp biên ở cả hai bên cửa khẩu đều nhỏ, sức tiêu thụ hàng hóa thấp; giao thông đi lại khó khăn, các tuyến quốc lộ nối liền với cửa khẩu cả phía Việt Nam và phía Trung Quốc đang trong thời gian cải tạo và nâng cấp, chi phí lưu thông cao. Mặt khác, sự phát triển KTCK phụ thuộc nhiều vào chính sách biên mậu của phía Trung Quốc. Về chủ quan, do nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo các ngành chưa quan tâm chỉ đạo để thực hiện mục tiêu mà Nghị quyết của Tỉnh uỷ đã đề ra, còn thiếu cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn giỏi.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Để hoạt động KTCK phát huy tốt hiệu quả, cần phải có sự quan tâm nhiều hơn nữa của Chính phủ, các bộ ngành trung ương, cấp ủy chính quyền tỉnh và sự phối hợp tốt của các cơ quan có liên quan để thúc đẩy sự phát triển nhanh và

bền vững của khu KTCK trong thời gian tới.

Hoàn thiện bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển KTCK

Đổi mới cơ chế quản lý, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện nhất quán chính sách phát triển KTCK. củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo phát triển KTCK, đồng thời xây dựng quy chế làm việc để đổi mới cơ chế quản lý cho phù hợp. Củng cố lực lượng chuyên ngành làm tốt công tác quốc phòng - an ninh biên giới, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Rà soát các cơ chế quản lý, chính sách ưu tiên đã đầu tư trong lĩnh vực XNK. Phân công rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân, phối hợp các lực lượng trong phát triển KTCK.

Tiếp tục kiện toàn nâng cao chất lượng tổ chức bộ máy, cán bộ của Ban quản lý cửa khẩu và các lực lượng liên ngành làm nhiệm vụ tại cửa khẩu; đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách thu hút cán bộ có nhiều kinh nghiệm và trình độ giỏi đến công tác.

Hoàn thiện công tác quy hoạch khu KTCK

Tập trung rà soát sửa đổi bổ sung chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển KTCK trong giai đoạn 2011-2015; điều chỉnh bổ sung công tác quy hoạch, gắn với việc sắp xếp, bố trí dân cư vào khu vực cửa khẩu để sinh sống kết hợp buôn bán, từng bước tạo thành khu dịch vụ tại khu đầu mối cửa khẩu.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung, sắp xếp lựa chọn lại danh mục các dự án, lồng ghép các nguồn vốn để hoàn chỉnh chương trình đầu tư, tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung chỉ đạo làm tốt việc quy hoạch các

vùng chuyên canh sản xuất hàng xuất khẩu ở địa phương. Gắn phát triển KTCK với ổn định dân cư, bảo đảm công tác an ninh - quốc phòng, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

Tập trung các nguồn vốn đầu tư, huy động mọi nguồn lực, thành phần kinh tế tham gia phát triển KTCK

Tập trung các nguồn vốn đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, trước hết tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư sản xuất, chế biến các mặt hàng xuất khẩu tại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, các thủ tục hành chính để doanh nghiệp và nhân dân trao đổi hàng hoá, du lịch qua cửa khẩu. Đề nghị Chính phủ cho phép tỉnh được sử dụng phần vốn thu được từ thuế XNK tại cửa khẩu Ma Lù Thàng và toàn bộ nguồn thu thuế XNK (bao gồm cả thuế VAT) toàn tỉnh để tái đầu tư cơ sở hạ tầng khu KTCK. Đồng thời, đề nghị Chính phủ cho phép tỉnh được vay tín dụng ưu đãi từ Quỹ hỗ trợ phát triển (lãi suất 0%). Đề nghị các bộ, ngành trung ương có kế hoạch phân bổ nguồn vốn theo chương trình mục tiêu từ ngân sách trung ương, đưa một số dự án của khu vực vào danh mục vay vốn với thời gian ân hạn tối đa và tỷ lệ vốn không hoàn lại cao để địa phương có điều kiện triển khai thực hiện, nhằm vừa tạo ra cơ sở vật chất tại khu vực, vừa thu hút đầu tư, gắn kết khu vực với các vùng phụ cận ■

Chú thích và tài liệu tham khảo

¹ Khu KTCK Ma Lù Thàng được Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng chính sách Khu KTCK biên giới tại Quyết định số 187/2001/QĐ-TTg ngày 7.12.2001. Là cửa khẩu hiện chưa được thành lập khu kinh tế theo trình tự quy định tại Nghị định 29/2008/NĐ-CP; căn cứ Quyết định 187/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số

61/2002/QĐ-UB ngày 2.10.2002 phê duyệt dự án tổng thể phát triển Khu KTCK, định hướng phân chia theo các khu chức năng. Tổng diện tích đất tự nhiên được xác định toàn khu vực là 326,01 km², gồm 3 xã: Ma Ly Pho, Mường So, Huổi Luông thuộc huyện Phong Thổ, dân số là 25.246 người, 13.403 lao động. Trong đó, tổng diện tích được xác định của các khu chức năng là 14.636 ha.

² UBND tỉnh đã xây dựng và ban hành các văn bản: Quyết định số 92/2005/QĐ-UBND ngày 16.11.2005 về thành lập Ban quản lý Khu KTCK Ma Lù Thàng; Quyết định số 93/2005/QĐ-UBND ngày 16.11.2005 về ban hành quy chế hoạt động của Ban quản lý Khu KTCK Ma Lù Thàng; Quyết định số 02/2004/QĐ-UB ngày 10.3.2004 ban hành quy chế quản lý và chính sách ưu đãi đối với Khu KTCK Ma Lù Thàng, tỉnh Lai Châu; Quyết định số 94/2005/QĐ-UBND ngày 16.11.2005 ban hành quy định trình tự, thủ tục XNC, XNK qua cửa khẩu Ma Lù Thàng, thành lập Ban chỉ đạo phát triển KTCK tỉnh Lai Châu.

³ UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo Khu KTCK Ma Lù Thàng tại Quyết định số 346/QĐ-UB ngày 30.3.2005; Trưởng ban chỉ đạo do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm nhiệm và 13 thành viên là các đồng chí thủ trưởng các sở, ngành của tỉnh. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo được quy định tại Điều 2 của Quyết định này. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Ban chỉ đạo đã được kiện toàn theo Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 19.4.2011.

- Tỉnh ủy Lai Châu (2011), Sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 16.3.2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI về phát triển KTCK giai đoạn 2007-2015.

- Ban quản lý Khu KTCK Ma Lù Thàng (2012), Báo cáo kết quả tình hình thực hiện chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND.

- <http://www.cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=117450507>

- <http://www.thuongmai.vn/thuongmai/du-an-keu-goi-dau-tu/53889-lai-chau.html>.